CÔNG TY CỔ PHẦN LILAMA 45.3
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Số: 23 /TT- ĐHCĐ 2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAI
Độc Lập Tự Do Hạnh Phúc

Quảng Ngãi, ngày 26 tháng 04 năm 2022

TỜ TRÌNH
THÔNG QUA BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN NĂM 2021
PHƯƠNG ÁN TRÍCH CÁC QUỸ BÙ LỖ LUỸ KẾ
TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Thực hiện quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty CP Lilama 45.3.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần CP Lilama 45.3, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số: 275/BCKT/TC ngày 18/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam: Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2021, cũng như Kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo.

Báo cáo tài chính năm 2021 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải toàn văn trên Website của Công ty (*www.lilama45-3.com*), bao gồm:

(1) Báo cáo của kiểm toán viên;
(2) Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021;
(3) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021;
(4) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
(5) Thuyết minh Báo cáo tài chính;

Một số chỉ tiêu cơ bản trong Báo cáo tài chính 2021, như sau:

I. Bảng cân đối kế toán:

ĐVT: Đồng

NỘI DUNG	Số liệu tại 31/12/2021	Số liệu tại 31/12/2020	Tăng, giảm (21-20)
I. TÀI SẢN NGẮN HẠN	373,431,243,723	350,239,496,527	23,191,747,196
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	11,336,225,116	7,596,623,304	3,739,601,812
2.Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-
3. Phải thu ngắn hạn	200,683,547,108	184,321,802,501	16,361,744,607
Trong đó: - Nợ phải thu khách hàng	185,211,094,698	165,371,708,015	19,839,386,683
-Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.100.948.881)	(3.100.948.881)	-
4. Hàng tồn kho	161,411,471,499	158,321,070,722	3,090,400,777
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
II. TÀI SẢN DÀI HẠN	**39,817,457,701**	**43,321,565,169**	**(3,504,107,468)**

Ký bởi đơn vị: PHẠM VĂN THÌN
Ký ngày: 27/04/2022 11:19:40

1. Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
2. Tài sản cố định	17,291,809,700	20,738,803,168	(3,446,993,468)
- Tài sản cố định hữu hình	17,291,809,700	20,738,803,168	(3,446,993,468)
+ Nguyên Giá	*77,263,645,885*	*77,263,645,885*	-
+ Giá trị hao mòn luỹ kế	*(59,971,836,185)*	*(56,524,842,717)*	(3,446,993,468)
- Tài sản cố định vô hình	-	-	-
+ Nguyên Giá	*55,000,000*	*55,000,000*	-
+ Giá trị hao mòn luỹ kế	*(55,000,000)*	*(55,000,000)*	-
- Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
+ Nguyên Giá	-	-	-
+ Giá trị hao mòn luỹ kế	-	-	-
4. Tài sản dở dang dài hạn	-	-	-
5. Đầu tư tài chính dài hạn	20,698,000,000	20,698,000,000	-
6. Tài sản dài hạn khác	1,827,648,001	1,884,762,001	(57,114,000)
III. TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**413.248.701.424**	**393.561.061.696**	**19.687.639.728**
IV. NỢ PHẢI TRẢ	**373,618,820,527**	**345,398,103,675**	**28,220,716,852**
1. Nợ ngắn hạn	373,618,820,527	345,398,103,675	28,220,716,852
2. Nợ dài hạn	-	-	-
V. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**39,629,880,897**	**48,162,958,021**	**(8,533,077,124)**
1. Vốn chủ sở hữu	39,629,880,897	48,162,958,021	(8,533,077,124)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	35,000,000,000	35,000,000,000	-
- Thặng dư vốn cổ phần	4,277,672,000	4,277,672,000	-
- Quỹ đầu tư phát triển	33,000,546,177	33,000,546,177	-
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2,087,212,068	2,087,212,068	-
- Lợi nhuận chưa phân phối	(34,735,549,348)	(26,202,472,224)	(8,533,077,124)
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ trước	*(26.202.472.224)*	*(26.433.308.448)*	230.836.224
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	*(8.533.077.124)*	*230.836.224*	(8.763.913.348)
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-
VI. TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**413.248.701.424**	**393.561.061.696**	**19.687.639.728**

II. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021:

ĐVT: Đồng

CHỈ TIÊU	TH năm 2021	TH năm 2020	Tăng, giảm (21-20)
1. Doanh thu bán hàng & CCDV	38,044,820,050	500,120,430,751	(462.075.610.701)
2. Giá vốn hàng bán	27,840,503,061	472,072,228,134	(444.231.725.073)
3. Lợi nhuận gộp về BH và c/c DV	10,204,316,989	28,048,202,617	(17.843.885.628)
4. Doanh thu hoạt động tài chính	4,485,945	122,487,578	(118.001.633)
5. Chi phí tài chính	14,361,261,267	21,094,810,582	(6.733.549.315)
- Trong đó: Lãi vay phải trả	14,361,223,092	20,652,237,287	(6.291.014.195)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5,507,384,387	6,724,091,570	(1.216.707.183)
7. Lợi nhuận thuần từ HĐSXKD	(9,659,842,720)	351,788,043	(10.011.630.763)
8. Thu nhập khác	1,127,088,970	279.779.604	498.459.275
9. Chi phí khác	323,374	400.731.423	(749.258.140)
10. Lợi nhuận khác	1,126,765,596	(120,951,819)	1.247.717.415
11. Tổng lợi nhuận trước thuế	(8,533,077,124)	230,836,224	(8.763.913.348)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	
13. Lợi nhuận sau thuế TNDN	(8,533,077,124)	230,836,224	(8.763.913.348)
14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.438)	66	(2.504)

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2021	Năm 2020
1	**Cơ cấu tài sản**	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		9,6	11,01
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		90,4	88,99
2	**Cơ cấu nguồn vốn**	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		90,4	87,76
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		9,6	12,24
	- Nợ phải trả/Nguồn vốn chủ sở hữu	Lần	9,4	7,17
3	**Khả năng thanh toán**	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0,57	0,56
	- Khả năng thanh toán hiện hành		1,0	1,01
4	**Tỷ suất lợi nhuận**	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		(2,1)	0,06
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		(22,4)	0,05
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		(21,5)	0,48
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ		(24,4)	0,66

IV. DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN TRÍCH CÁC QUỸ BÙ LỖ LUỸ KẾ.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần LILAMA 45.3
- Căn cứ tình hình thực hiện SXKD năm 2021 của Công ty cổ phần LILAMA 45.3.
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị Tổng công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động SXKD của Công ty, tạo điều kiện để Công ty có thể tham gia đấu thầu các dự án cũng như xây dựng hạn mức, tiếp cận vốn vay tại các tổ chức tín dụng, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 biểu quyết thông qua phương án xử lý tài chính đối với số lỗ chuyển tiếp đến 31/12/2021 như sau:

Trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ bù lỗ luỹ kế đến 31/12/2021.

ĐVT: Đồng

TT	Nội dung	Cách tính	Số tiền (đồng)
1.	**Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2021**		*(8.533.077.124)*
2.	Thuế TNDN phải nộp năm 2021		-
3.	Tổng lợi nhuận sau thuế năm 2021	3=1-2	*(8.533.077.124)*
4.	Các khoản trừ vào lợi nhuận sau thuế		-
5.	Tổng lợi nhuận được phân phối năm 2021	5=3-4	*(8.533.077.124)*
6.	**Số dư các quỹ thuộc VCSH đến ngày 31/12/2021**	**6=6.1+6.2**	**35.087.758.245**
6.1	Quỹ đầu tư phát triển		33.000.546.177
6.2	Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ		2.087.212.068
7.	Số lỗ lũy kế từ năm 2020 chuyển qua		(26.202.472.224)
8.	Số lỗ lũy kế đến 31/12/2021	8=5+7	(34.735.549.348)
9.	**Giá trị đề nghị bù lỗ**		**34.735.549.348**
10.	**Số dư các quỹ còn lại sau khi bù lỗ luỹ kế**	**10=6-9**	**352.208.897**
11.	**Chuyển số lỗ sang năm 2022**		**0**

(*) Ghi chú: Các số liệu có ghi trong ngoặc đơn ( ) thể hiện số lỗ.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần lilama 45.3 báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua.

Trân trọng!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
KẾ TOÁN TRƯỞNG

CÙ THANH NGHỊ